

## PROPAGANDA WORK AMONG ENEMY SOLDIERS IN SOUTHERN VIETNAM (1973 - 1975)

**Thai Van Tho**

*Foreign Trade University, Ho Chi Minh City Campus*

ARTICLE INFO		ABSTRACT
<b>Received:</b>	<b>15/9/2025</b>	Propaganda work among enemy soldiers was one of the “three-spreadhead attack” (political struggle, military and propaganda work among enemy soldiers) of the army and people of Southern Vietnam during the resistance against the U.S. - the Republic of Vietnam from 1954 to 1975. From 1973 to 1975, propaganda work among enemy soldiers were carried out effectively in Southern Vietnam, making an important contribution to defeating the Saigon government, leading to the unification of the country in 1975. During these years, under the leadership and direct struggle direction of the Central Office of South Vietnam, propaganda work among enemy soldiers was strengthened and propaganda work among enemy soldiers was considered an important struggle strategy on Southern Vietnam battlefield. Using two research methods: historical method and logical method and researching related historical documents, the study initially contributed to analyzing and clearly pointing out the policies and results of propaganda work among enemy soldiers on Southern Vietnam battlefield from 1973 to 1975. Furthermore, the research findings underscore several lessons in revolutionary leadership and strategic direction from this period, which retain their full validity in the current process of national construction and development.
<b>Revised:</b>	<b>22/12/2025</b>	
<b>Published:</b>	<b>22/12/2025</b>	
<b>KEYWORDS</b>		
Propaganda work among enemy soldiers		
Southern Vietnam		
Dynamic		
Creative		
The Central Office of South Vietnam		

## CÔNG TÁC BINH VẬN Ở NAM BỘ NHỮNG NĂM 1973 - 1975

**Thái Văn Thơ**

*Trường Đại học Ngoại thương Cơ sở II tại Thành phố Hồ Chí Minh*

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
<b>Ngày nhận bài:</b>	<b>15/9/2025</b>	Binh vận là một trong “ba mũi giáp công” (đấu tranh chính trị, quân sự và binh vận) của quân và dân Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ - Việt Nam Cộng hòa những năm 1954 - 1975. Từ năm 1973 đến năm 1975, công tác binh vận được tiến hành có hiệu quả ở Nam Bộ đã góp phần quan trọng đánh bại chính quyền Sài Gòn, tiến tới thống nhất đất nước năm 1975. Trong những năm này, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh trực tiếp của Trung ương Cục miền Nam, công tác binh vận được tăng cường đẩy mạnh và binh vận được xem là chiến lược đấu tranh quan trọng trên chiến trường Nam Bộ. Sử dụng hai phương pháp nghiên cứu: phương pháp lịch sử và phương pháp logic cùng khảo cứu các tài liệu lịch sử liên quan, nghiên cứu bước đầu góp phần phân tích, chỉ rõ những chủ trương và kết quả công tác binh vận trên chiến trường Nam Bộ những năm 1973 - 1975. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng nêu bật một số bài học trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng những năm này vẫn còn nguyên giá trị trong quá trình xây dựng và phát triển quốc gia hiện nay.
<b>Ngày hoàn thiện:</b>	<b>22/12/2025</b>	
<b>Ngày đăng:</b>	<b>22/12/2025</b>	
<b>TỪ KHÓA</b>		
Binh vận		
Nam Bộ		
Năng động		
Sáng tạo		
Trung ương Cục miền Nam		

**DOI:** <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.13605>

*Email: thaivantho.cs2@fuu.edu.vn*

<http://jst.tnu.edu.vn>

158

*Email: jst@tnu.edu.vn*

## 1. Giới thiệu

Những nghiên cứu có liên quan đến công tác binh vận cũng như vai trò của công tác này trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975) trên chiến trường miền Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng được đề cập trong một số công trình. Tác giả Văn Tạo [1] khẳng định sự kết hợp chặt chẽ giữa chiến lược trường kỳ đấu tranh về mặt quân sự và chiến lược đoàn kết toàn dân về mặt chính trị tất yếu sinh ra ba mũi đấu tranh chính trị, quân sự và binh vận. Khi cách mạng phát triển đến cao trào thì ba mũi đấu tranh này thường được tiến hành song song và cùng kết hợp tấn công vào kẻ thù, trong kháng chiến, công tác binh vận đã trở thành một phong trào có tính chất quần chúng rộng rãi. Nguyễn Khắc Trai [2] cho rằng quân và dân đồng bằng sông Cửu Long tận dụng thời cơ, tận dụng triệt để thuận lợi được tạo ra từ mặt trận Sài Gòn để tự giải phóng năm 1975 bằng lực lượng của bản thân, với ba mũi giáp công quân sự, chính trị và binh vận. Chiến công đó là sự chủ động, linh hoạt sáng tạo và nhạy bén của Trung ương Cục, nhất là chủ trương lãnh đạo và chỉ đạo mũi tiến công binh - địch vận trong phong trào nổi dậy của quần chúng nhân dân, làm cho địch ở nhiều nơi tự tan rã, không cần đến sức mạnh quân sự. Trong một nghiên cứu khác, tác giả Nguyễn Khắc Trai [3] khẳng định trong những năm 1973 - 1975, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam, Ban Binh vận Trung ương Cục đã tổ chức xây dựng nội tuyến trong các đơn vị chiến lược quân đội Việt Nam Cộng hòa. Cơ sở nội tuyến được xây dựng với nhiều nội dung, hình thức phong phú và sáng tạo, từ đó đã giác ngộ và lôi kéo nhiều binh sĩ Việt Nam Cộng hòa, khuất phục nhiều người đứng đầu trong quân đội và bộ máy chính quyền đầu nã. Thành quả hoạt động của cơ sở nội tuyến trong giai đoạn này đã góp phần to lớn làm tan rã lực lượng binh sĩ Việt Nam Cộng hòa và hạn chế đến mức thấp nhất tổn thất cho cách mạng. Hoàng Chí Hiếu [4] cũng nêu rõ nhằm hạn chế sự chống phá cách mạng, đàn áp nhân dân của quân đội Sài Gòn, mũi tiến công binh vận giữ vai trò quan trọng. Những người lính khi cảm sung cho Mỹ có nhiều lí do khác nhau như kiếm tiền nuôi bản thân và gia đình chứ không vì lí tưởng hoặc bị cưỡng bức đi lính, rồi bị buộc phải đàn áp, tàn phá quê hương, làng xóm, đặc biệt có những lính có người thân tham gia kháng chiến hoặc tập kết ra miền Bắc. Tác giả Nguyễn Văn Tuấn và Nguyễn Thị Kim Hoa [5] khẳng định quân và dân Khánh Hòa dựa vào điều kiện tự nhiên, phát huy tiềm lực của địa phương, vận dụng sáng tạo nghệ thuật chiến tranh nhân dân, đánh thắng từng bước, tiến tới cùng với quân dân cả nước làm thất bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của chính quyền Mỹ - Việt Nam Cộng hòa bằng “ba mũi giáp công”: chính trị, quân sự và binh vận. Nguyễn Mạnh Hà [6] cho rằng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam, năm 1973 là năm bản lề của đại thắng mùa Xuân 1975. Năm 1973 là một năm có vị trí đặc biệt quan trọng. Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, mặc dù tình hình quốc tế có những yếu tố không thuận lợi, nhưng cuộc chiến tranh đã chuyển sang một bước ngoặt mới. Trong khi đó, Đặng Công Thành [7] phân tích chỉ ra rằng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, tư tưởng về phát huy sức mạnh tổng hợp được quân và dân Việt Nam phát triển đến đỉnh cao của nghệ thuật quân sự Hồ Chí Minh. Nổi bật là sáng tạo của quân và dân ta trong việc kết hợp chặt chẽ giữa các hình thức, lực lượng, quy mô tác chiến của ba thứ quân, đánh địch bằng cả ba mũi giáp công (chính trị, quân sự và binh vận), trên cả ba vùng chiến lược. Tác giả Nguyễn Thị Bích Thúy [8] cho rằng hoạt động binh vận của phụ nữ miền Tây Nam Bộ có nhiều đóng góp, nổi bật nhất là phong trào các bà, các mẹ vận động gia đình binh sĩ và binh sĩ đào, rã ngũ, không đi lính làm bia đỡ đạn cho Mỹ; và trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân năm 1968, Khu ủy Tây Nam Bộ phát động phụ nữ tham gia phong trào đấu tranh chính trị và binh vận. Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy ở đồng bằng sông Cửu Long năm 1975, theo Hồ Văn Thái [9], ngay từ đầu năm 1975, quân và dân Đồng bằng sông Cửu Long đã tích cực xây dựng và phát triển lực lượng về mọi mặt, tạo sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, triển khai thể trận tiến công và nổi dậy theo phương châm: “xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh”. Với nghệ thuật tác chiến sáng tạo, trên cơ sở phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân và dựa vào thể trận chung của toàn miền Nam, quân và dân Đồng bằng sông Cửu Long đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần xứng đáng vào thắng lợi vẻ vang của toàn

Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Các tác giả Đinh Văn Trọng và Nguyễn Thị Kiều Trinh [10] kết luận thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 là kết quả của sự dày công chuẩn bị kỹ lưỡng trên tất cả các mặt của Đảng Lao động Việt Nam từ năm 1973 đến đầu mùa Xuân năm 1975. Đồng quan điểm, Nguyễn Mạnh Tuấn [11] cũng khẳng định Đảng nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công; chỉ đạo nghệ thuật tổ chức chiến tranh nhân dân nhuần nhuyễn, sáng tạo, kết hợp chặt chẽ giữa chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy; giữa quân sự với chính trị, binh - địch vận bằng hai lực lượng, ba thứ quân; toàn dân đánh giặc, mỗi người dân là một chiến sĩ, tiến hành đánh địch trên mọi mặt trận... đánh bại từng bước, tiến tới đánh bại hoàn toàn các thủ đoạn, chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai. Có thể thấy, những nghiên cứu liên quan về binh vận, vai trò của công tác binh vận cũng như các chủ trương đấu tranh, tổng tiến công và nổi dậy để giải phóng miền Nam của Đảng, Trung ương Cục, Khu ủy, các tỉnh ở miền Nam mới chỉ được phân tích, chỉ rõ trong một số công trình tiêu biểu như kể trên. Trong khi đó, việc nghiên cứu chuyên sâu, có tính hệ thống, đầy đủ về các chủ trương, chính sách và kết quả của công tác binh vận trên chiến trường Nam Bộ thì chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập. Trên cơ sở kế thừa các công trình nghiên cứu đã công bố, vận dụng các phương pháp lịch sử, phương pháp logic và phân tích khảo cứu các tài liệu thứ cấp liên quan, nghiên cứu này bước đầu phân tích có hệ thống những chủ trương binh vận của Trung ương Đảng và Trung ương Cục miền Nam ở chiến trường Nam Bộ những năm 1973 – 1975. Trong những năm này, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, kịp thời, đáp ứng yêu cầu thực tiễn cách mạng của Trung ương Đảng và Trung ương Cục miền Nam với việc nhanh chóng đề ra những chủ trương, đường lối tấn công binh vận trên chiến trường Nam Bộ đã thu được nhiều kết quả, góp phần quan trọng làm tan rã phần lớn quân đội và chính quyền Việt Nam Cộng hòa, tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này đã sử dụng hai phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp lịch sử và phương pháp logic cùng quá trình khảo cứu, đối chiếu các tài liệu lịch sử, tài liệu thứ cấp liên quan để làm rõ phạm vi và đối tượng nghiên cứu. Phương pháp lịch sử được vận dụng để phân tích, chỉ rõ những chủ trương, đường lối đấu tranh, hoạt động và kết quả của công tác binh vận của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam trên chiến trường Nam Bộ những năm 1973 - 1975. Phương pháp logic được vận dụng để nêu bật đặc điểm, vai trò và đóng góp quan trọng của công tác binh vận trên chiến trường Nam Bộ trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ - Việt Nam Cộng hòa.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Công tác binh vận ở Nam Bộ trước năm 1973

Ngay khi bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Trung ương Đảng và Xứ ủy Nam Bộ rất quan tâm chú trọng đến công tác binh vận trên chiến trường miền Nam nói chung và ở Nam Bộ nói riêng. Ở Nam Bộ, từ tháng 7/1954 đến cuối năm 1960, công tác binh vận chủ yếu là đấu tranh đòi chính quyền Việt Nam Cộng hòa thi hành Hiệp định Geneva năm 1954, chống khủng bố và đàn áp của chính quyền Ngô Đình Diệm. Nội dung và phương thức hoạt động của binh vận thời gian này là vận động binh sĩ, nhân viên của Việt Nam Cộng hòa ủng hộ, tham gia phong trào đấu tranh của nhân dân đòi các quyền tự do, dân chủ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước và chống khủng bố, đàn áp, bảo vệ giữ gìn lực lượng cách mạng, làm giảm tổn thất lực lượng. Đồng thời, tranh thủ các lực lượng vũ trang giáo phái chống chính quyền Sài Gòn và giáo dục, cải tạo họ đi theo cách mạng, lôi kéo được một bộ phận ngả về cách mạng, làm gia tăng lực lượng cho cách mạng; xây dựng và sử dụng cơ sở trong lòng đối phương hoạt động hỗ trợ cho hình thức đấu tranh chính trị và vũ trang tự vệ. Ngoài ra, binh vận kết hợp với đấu tranh chính trị và vũ trang tự vệ để tiến hành Đồng Khởi ở các địa phương Nam Bộ. Từ năm 1961 đến năm 1965, trên chiến trường Nam Bộ, binh vận cùng với đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang góp phần quan trọng đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

Kết quả rõ nhất của công tác binh vận trong giai đoạn này là góp phần chống, phá “quốc sách lập ấp chiến lược”, vận động giác ngộ được một số binh sĩ, tranh thủ được một số sĩ quan, xây dựng lực lượng trong lòng địch phục vụ cho phương hướng chiến lược lâu dài; binh vận làm nảy sinh, phát triển trong hàng ngũ sĩ quan, binh lính địch khuynh hướng hòa bình trung lập, khoét sâu mâu thuẫn nội bộ, góp phần làm sụp đổ chế độ Ngô Đình Diệm và phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang cách mạng trong các chiến dịch đánh thắng nhiều đơn vị lớn quân Việt Nam Cộng hòa, bắt nhiều tù binh, hạn chế tổn thất lực lượng cách mạng. Từ giữa năm 1965 đến cuối năm 1968, công tác binh vận ở Nam Bộ đã góp phần làm thất bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ bằng việc khơi dậy ý thức tinh thần yêu nước, chống Mỹ trong binh sĩ, nhân viên trong chính quyền Việt Nam Cộng hòa, thúc đẩy thực hiện binh biến, ly khai, góp phần làm suy yếu và tan rã một bộ phận quân đội Sài Gòn. Từ cuối năm 1968 đến tháng 01/1973, binh vận kết hợp với dân vận, địch vận với tác chiến, phá rã lực lượng kim kẹp ở cơ sở và làm suy sụp tinh thần của quân đội Sài Gòn trên chiến trường, góp phần làm thất bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ. Trong những năm này, binh vận là một trong ba mũi giáp công đánh phá bình định làm chuyển biến tình hình ở nông thôn và đẩy mạnh phong trào đấu tranh ở đô thị. Công tác binh vận được tiến hành kết hợp trong các chiến dịch tổng hợp, trong các chiến dịch hiệp đồng quân binh chủng và trong công tác quản lý, giáo dục tù binh và hàng binh của Việt Nam Cộng hòa [12, tr.57-160]. Như vậy có thể thấy, ngay khi bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ - Việt Nam Cộng hòa, Trung ương Đảng và Xứ ủy Nam Bộ rất coi trọng và đẩy mạnh công tác binh vận. Nhờ Trung ương Đảng, Xứ ủy Nam Bộ tiếp sau là Trung ương Cục miền Nam sớm đề ra các chủ trương, đường lối tấn công binh vận đúng đắn, kịp thời, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đấu tranh nên trong những năm 1954 – 1973 công tác binh vận ở Nam Bộ thu nhiều kết quả. Binh vận là một trong ba mũi giáp công góp phần “đánh cho Mỹ cút” tiến tới “đánh cho Ngụy nhào” trên toàn chiến trường miền Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng để thống nhất đất nước.

### **3.2. Tình hình Nam Bộ những tháng đầu năm 1973**

Ngày 27/01/1973, Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết, quân đội Mỹ xâm lược cùng quân đồng minh của họ rút về nước theo những quy định của hiệp định. Từ trước khi Hiệp định được ký kết, chính quyền Sài Gòn “tiếp tục đẩy mạnh hoạt động càn quét bình định giành chủ động trên khắp lãnh thổ ngăn không cho Cộng sản lấn chiếm một nơi nào đồng thời tăng các cuộc hành quân lùng diệt đồn chủ lực Cộng sản ra ngoài, tiêu diệt tối đa tiềm lực chiến đấu của Cộng sản, nâng cao tiềm lực chiến đấu của Việt Nam Cộng hòa; gia tăng hoạt động “phương hoàng” để phát hiện và tận diệt cơ sở hạ tầng Cộng sản; cho nhân dân cán bộ học tập chính trị của “chính nghĩa quốc gia” [13, tr.234]. Ngày 23/01/1973, Nguyễn Văn Thiệu ban hành công điện hỏa tốc gửi Thủ tướng Chính phủ, các đô – tỉnh – thị trường, Tổng Tham mưu trưởng và Tư lệnh các quân đoàn, quân khu của chính quyền Việt Nam Cộng hòa “ra lệnh treo cờ trên toàn quốc” nhằm mục đích “tràn ngập lãnh thổ bằng cờ quốc gia để xác nhận phần đất và phần dân” [14]. Ngoài ra, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu liên tục tìm cách trì hoãn và phá hoại tiến trình thi hành hiệp định với việc gia tăng các hoạt động càn quét bình định, lấn chiếm giành dân, lấn đất trên toàn miền Nam, nhất là ở Nam Bộ. Mặc dù Hiệp định Paris năm 1973 ghi rõ “Hoa Kỳ sẽ không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam” [15]. Nhưng chính quyền Mỹ vẫn tiếp tục cung cấp những gói viện trợ kinh tế và quân sự lớn cho Việt Nam Cộng hòa nhằm duy trì sự tồn tại của chính thể này. Trên cơ sở kế hoạch vạch sẵn, lợi dụng lúc Hiệp định ngừng bắn mới ký và trước giờ có hiệu lực, chính quyền Việt Nam Cộng hòa triển khai lực lượng ào ạt thực hiện chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ” trên toàn chiến trường miền Nam, trọng điểm nhằm vào Đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh vành đai Sài Gòn. Từ ngày 28/01/1973 đến ngày 07/3/1973, ở Đồng bằng sông Cửu Long, chính quyền Sài Gòn đã phân tán quân chủ lực kết hợp chặt chẽ với bảo an, dân vệ cùng lực lượng dân sự (phòng vệ dân sự và các tổ chức, nhóm phản động cùng tình báo cảnh sát, sinh viên sĩ quan cán bộ bình định) mở hoạt động với mật độ dày đặc thực hiện lấn chiếm, cắm cờ giành đất hết sức quyết liệt. Ở miền

Đông Nam Bộ, đối phương tranh chấp quyết liệt với cách mạng, dùng chủ lực và không quân đánh mạnh vùng tiếp giáp khu giải phóng, dùng biệt kích, bảo an chốt các khu vực và chặn phá hành lang của cách mạng [14, tr.234-235]. Trên toàn chiến trường Nam Bộ, từ tháng 02/1973 trở đi, chính quyền Sài Gòn “bắt đầu nong ra lấn chiếm một số khu vực, triển khai rất nhanh kế hoạch lấn chiếm vùng giải phóng của cách mạng. Ở trong vùng sâu và vùng chính quyền Nguyễn Văn Thiệu kiểm soát chặt, nhất là thị xã thị trấn, họ rút bớt lực lượng cơ động ra nhưng tăng cường củng cố và phát huy các loại lực lượng kìm kẹp, nhất là dân vệ, cảnh sát, thám báo để tăng cường đàn áp, không chế quần chúng cả về tư tưởng và tổ chức” [16, tr.136-137]. Đến cuối tháng 3/1973, quân đội Sài Gòn không chỉ chiếm lại hầu hết những vùng đất lực lượng cách mạng giải phóng được trong đợt tiến công thời cơ trước ngày 28/01/1973 mà còn bắt đầu lấn sâu vào các vùng giải phóng toàn miền Nam. Tại khu 6 và khu 7, quân đội đối phương đã lấn chiếm 309 ấp với 290.000 dân. Tại khu 8 chỉ trong hai tháng từ ngày 28/01/1973 đến 28/3/1973, riêng bốn tỉnh Mỹ Tho, Bến Tre, Gò Công, Kiến Tường, quân đội Sài Gòn đóng thêm 287 đồn bót, lấn chiếm 129 ấp thuộc 24 xã [17, tr.507]. Chính quyền Việt Nam Cộng hòa tăng cường các chiến dịch quân sự lấn chiếm, bình định, gia tăng quân số, bắt lính đôn quân, duy trì lực lượng quân đội lớn trên 1.900.000 quân [18, tr.119] với nhiều loại vũ khí, trang bị quân sự của Mỹ.

Về phía cách mạng, trước khi Hiệp định Paris năm 1973 ký kết, Chi thị của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam ngày 19/01/1973 về chủ trương và công tác cấp bách khi có giải pháp chính trị và ngừng chiến, khẩu hiệu binh vận xác định “đối với binh lính và gia đình họ, cần tập trung vào khẩu hiệu: “Hoan hô hòa bình, hòa hợp dân tộc, đòi chồng con, binh sĩ về nhà, không làm công cụ cho Mỹ nguy phá hoại Hiệp định, phá hoại hòa bình”. Cần kết hợp khẩu hiệu binh vận thường xuyên như chống hành quân, chống đôn quân, chống cắm trại, đòi các quyền lợi của binh lính và gia đình” [16, tr.64-65]. Sau khi Hiệp định Paris năm 1973 có hiệu lực, Bộ Chính trị điện gửi Trung ương Cục miền Nam và các khu ủy ở miền Nam ngày 09/2/1973 nêu rõ: “Vũ khí đấu tranh hợp pháp là Hiệp định; Phương châm hoạt động lúc này của ta là tranh thủ thời cơ làm nhanh, tấn công chính trị, binh vận kiên quyết, liên tục, nhưng cố gắng làm rất êm, không nên rầm rộ bộc lộ, tránh phô trương hình thức” [19, tr.455]. Như vậy, những hành động bình định lấn chiếm, giành dân lấn đất, chiến dịch “trần ngập lãnh thổ”, cấm cờ Việt Nam Cộng hòa của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu diễn ra mạnh, nhanh chóng từ trước khi Hiệp định Paris năm 1973 ký kết và thu được nhiều kết quả. Vì vậy, yêu cầu và nhiệm vụ cấp bách đặt ra cho cách mạng miền Nam nói chung và ở Nam Bộ nói riêng là cần có những chủ trương, chính sách phù hợp để ứng phó hiệu quả với những hành động phá hoại Hiệp định Paris của chính quyền Việt Nam Cộng hòa mà không vi phạm hiệp định. Kể từ đầu năm 1973 trở đi, binh vận trở thành một mũi tấn công quan trọng và được Trung ương Cục miền Nam tăng cường đẩy mạnh trong tiến công, đấu tranh để đánh bại chính quyền Sài Gòn, tiến tới thống nhất Tổ quốc.

### **3.3. Chủ trương binh vận ở Nam Bộ những năm 1973 - 1975**

Trong những tháng đầu năm 1973, quán triệt các chủ trương, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam có những chỉ thị quan trọng liên quan mũi tấn công binh vận trên chiến trường miền Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng. Các chủ trương và công tác binh vận ở Nam Bộ kể từ sau Hiệp định Paris năm 1973 là nhằm để làm tan rã quân đội và chính quyền Sài Gòn, gỡ đồn bót, thực hiện liên hiệp, đoàn kết các gia tầng trong xã hội, đồng thời phối hợp với các mũi tiến công chính trị và quân sự để tiến tới đánh bại hoàn toàn chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Nhiều chỉ thị, yêu cầu về công tác binh vận của Trung ương Đảng và Trung ương Cục miền Nam cho miền Nam và đặc biệt tại Nam Bộ những năm 1973 – 1975 khẳng định vai trò, tầm quan trọng của mũi tấn công binh vận chống chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Chỉ thị của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam ngày 27/3/1973 nêu rõ nhiệm vụ trước mắt của toàn Đảng bộ là “đẩy mạnh các mặt đấu tranh chính trị, quân sự, binh vận và pháp lý, tấn công liên tục đòi địch phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định, trước hết là thực hiện ngừng bắn lập lại hòa bình, thực hiện các quyền tự do dân chủ cho nhân dân, kìm hãm, ngăn ngừa, hạn chế và làm thất bại âm mưu địch phá hoại Hiệp định”

[16, tr.159]. Đồng thời, Chỉ thị cũng yêu cầu “các cấp ủy, các chi bộ, các đoàn thể và cán bộ binh vận cần phải thấy đây là cơ hội tốt để làm tan rã hàng ngũ lính nguy và phải biết nắm lấy nội dung pháp lý hiệp định, dựa vào tình hình, tâm trạng binh sĩ như đã nói trên để đẩy mạnh công tác binh vận. Ngoài việc vận động gia đình binh sĩ, quần chúng kéo đến đôn đốc, lôi kéo con em mình về, đưa truyền đơn, dùng loa phát thanh kêu gọi như đã làm trước đây, phải biết lợi dụng xu hướng hòa hoãn của binh sĩ nguy hiện nay để tấn công làm tan rã chúng” [16, tr.169-170].

Trong Đề án của Trung ương Cục miền Nam về đẩy mạnh tấn công toàn diện, khẩn trương xây dựng cơ sở phong trào ở vùng nông thôn phía trước, đánh bại kế hoạch binh định lần chiếm mới của địch, ra sức giành dân, giành quyền làm chủ, giải phóng nông thôn để trình Hội nghị cán bộ toàn miền Nam từ tháng 9 năm 1973 đến tháng 10 năm 1973 yêu cầu: “Đẩy mạnh công tác binh vận làm tê liệt, tan rã nguy quân nguy quyền. Trong giai đoạn mới, công tác binh vận là một mũi tiến công có khả năng lớn và có vai trò rất quan trọng với nhiệm vụ là góp phần làm tê liệt tan rã hàng ngũ địch, làm cho chính quyền địch nhất là ở cơ sở ngày càng suy sụp buộc địch phải thi hành Hiệp định, tiến tới thực hiện công nông binh liên hiệp và tạo điều kiện cho cao trào cách mạng của quần chúng” [16, tr.536-538]. Từ tháng 6/1973, Bộ Chính trị họp hội nghị lần thứ 21. Đến tháng 10/1973, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẳng định: “Công tác binh vận là một mũi tiến công rất quan trọng để buộc địch từng bước đi vào hòa bình và hòa hợp dân tộc, để làm tê liệt và tan rã hàng ngũ địch, làm cho chính quyền của địch, nhất là ở cơ sở, ngày càng suy yếu, tiến tới thực hiện công nông binh liên hiệp và tạo điều kiện cho cao trào cách mạng của quần chúng. Phải gắn chặt công tác binh vận với phong trào đấu tranh chính trị” [19, tr.677-678]. Báo cáo chính trị tại Hội nghị Trung ương Cục miền Nam lần thứ 12 xác định: “Binh vận trong tình hình mới có tác động của Hiệp định, của khẩu hiệu trung tâm là phải đặt đúng tầm quan trọng, phải biết lợi dụng thật sắc bén, rộng rãi xu hướng mong muốn hòa bình, chán ghét chiến tranh của binh sĩ nguy để tấn công địch làm cho hàng ngũ địch phân hóa, suy yếu, giảm hiệu lực, tê liệt, tan rã, gỡ đồn bốt, mở rộng vùng, thực hiện công nông binh liên hiệp ở cơ sở đấu tranh đòi thi hành Hiệp định, giành và giữ quyền làm chủ cho nhân dân” [16, tr.359]. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 của Trung ương Cục miền Nam tháng 12/1973 nêu rõ: “Công tác binh vận là một mũi tấn công rất quan trọng để làm tê liệt và làm tan rã hàng ngũ địch, buộc địch từng bước đi vào hòa bình và hòa hợp dân tộc, làm cho chính quyền của địch nhất là ở cơ sở ngày càng suy yếu, thực hiện công nông binh liên hiệp và tạo điều kiện cho cao trào cách mạng của quần chúng. Phải gắn chặt công tác binh vận với phong trào đấu tranh chính trị và thông qua phong trào đấu tranh của quần chúng mà từng bước phát động phong trào đấu tranh của binh sĩ. Trước mắt, yêu cầu của công tác binh vận là phải tìm ra rất nhiều hình thức để bao vây đồn bốt địch, làm tê liệt, làm mất hiệu lực, trung lập hóa đồn bốt, làm tan rã phòng vệ dân sự, biến phần lớn lực lượng phòng vệ dân sự thành lực lượng của ta hoặc trung lập có thiện cảm đối với ta để hạn chế các cuộc hành quân cảnh sát, càn quét lấn chiếm của địch, bảo vệ tính mạng và tài sản của quần chúng. Công tác binh vận còn nhằm tạo ra quan hệ bình thường giữa các gia đình binh sĩ nguy với quần chúng nhân dân trong thôn xóm, thông cảm với hoàn cảnh đau khổ của họ để thực hiện hòa hợp dân tộc trong thôn xóm, trong bà con thân thuộc, từ đó mà phát triển hơn nữa công tác binh vận. Làm cho công tác binh vận trở thành công tác của quần chúng. Tổ chức lực lượng binh vận và tổ chức việc chuyên trách mũi tiến công bằng binh vận ở xã áp đối với từng đồn, từng đơn vị chủ lực nguy. Nghiên cứu những hình thức tổ chức quần chúng gia đình binh sĩ để tập hợp, vận động, giáo dục quần chúng, hình thành tổ chức binh vận rộng khắp. Trong công tác tuyên truyền vận động binh sĩ phải biết lấy nội dung dân tộc và nội dung giai cấp mà giác ngộ họ, kéo họ về với dân tộc, với giai cấp thì mới thực hiện được công nông binh liên hiệp, lật đổ chế độ Mỹ - Thiệu... Phải tích cực khẩn trương xây dựng cơ sở trong lòng địch phục vụ cho yêu cầu trước mắt và chuẩn bị cả cho lâu dài nên phải chú ý công tác vận động sĩ quan, nhằm những sĩ quan nhất là từ cấp úy trở xuống. Đối với sĩ quan bên trên cũng phải chú trọng tận dụng mọi khả năng quan hệ tình cảm, kể cả việc khai thác quan hệ làm ăn buôn bán để tranh thủ hòa hoãn trung lập từng bước, thâm nhập chính sách hòa hợp dân tộc với nhiều mức độ thích hợp. Đối với nguy quyền cơ sở và công chức cán vận động phân hóa làm tê liệt tan rã và nắm

sử dụng theo thực tế tương quan từng vùng” [16, tr.460-461]. Chỉ thị của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam ngày 10/12/1973 xác định nhiệm vụ: “Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân quyết tâm trừng trị hành động phá hoại Hiệp định, bình định lấn chiếm của địch. Phải nắm vững nội dung chống cướp lúa, gạo gắn chặt với chống lấn chiếm giành lúa giành dân giành đất, ra sức tập hợp lực lượng, đẩy mạnh tấn công quân sự, chính trị, binh vận kết hợp với pháp lý và tấn công ngoại giao để chuyển mạnh phong trào chống cướp lúa, đẩy lùi lấn chiếm, bảo vệ mùa màng ở vùng nông thôn tranh chấp, đồng thời mở rộng phong trào đấu tranh đòi gạo đòi cứu đói” [16, tr.928].

Nghị quyết cũng đề ra những nhiệm vụ, yêu cầu 6 tháng cuối năm 1974 và năm 1975 là: “Công tác binh vận phải nhân đà thắng lợi vừa qua phát huy cao độ tính tích cực chủ động của mình góp phần cùng mũi quân sự, chính trị đảm bảo nhiệm vụ của Đảng bộ ta đến cuối năm 1975 là đánh bại về cơ bản kế hoạch bình định lấn chiếm của địch, chuyển gỡ mở các vùng nông thôn phía trước, đồng thời đẩy phong trào đô thị lên một bước mới tạo cơ sở cho một thắng lợi lớn trong thời gian tới” [20, tr.275-276]. Báo cáo của Trung ương Cục miền Nam tháng 12 năm 1974 cho rằng: “Mũi binh vận thời gian qua đạt kết quả còn thấp so với yêu cầu nhiệm vụ và chưa tương xứng với thuận lợi của tình hình mới” [20, tr.458]. Do đó, Báo cáo của Trung ương Cục miền Nam tháng 12 năm 1974 cũng yêu cầu cần “tăng cường công tác binh vận làm tan rã mạnh hàng ngũ địch đi đôi với việc tiêu diệt gọn các đơn vị của địch và vận động khởi nghĩa, bức hàng tiêu diệt đồn bốt. Trong vùng yếu, tôn giáo di cư dân tộc, các đô thị phải chú ý vận động hầu hết gia đình có người bị bắt đi lính; công tác binh vận ở đô thị phải chú ý vận động thương phế binh, quả phụ cô nhi là những người đời sống rất khổ” [20, tr.478-479]. Tiếp đó, trong báo cáo khác của Trung ương Cục miền Nam qua một năm thực hiện Nghị quyết 21 của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam xác định: “Binh vận đóng vai trò rất quan trọng. Binh vận vừa phục vụ cho đấu tranh chính trị, vừa phục vụ cho đấu tranh vũ trang vừa phục vụ cho việc giành dân, phá ấp chiến lược, vừa phục vụ cho việc làm tan rã quân đội địch vừa phục vụ cho việc xây dựng và tăng cường cho lực lượng quân đội ta. Công tác binh vận không phải chỉ có tính chất chiến thuật mà quan trọng có tính chất chiến lược” [20, tr.614-615].

Trong kết luận Hội nghị Bộ Chính trị ngày 07/01/1975, Bộ Chính trị yêu cầu: “Đẩy mạnh công tác binh vận kịp với quy mô, cường độ tiến công nổi dậy, nhanh chóng làm tan rã quân nguy khi ta đánh mạnh, thúc đẩy những cuộc binh biến, ly khai của một số đơn vị quân nguy ở những nơi có điều kiện” [21, tr.191]. Nghị quyết ngày 20/01/1975 của Bộ Chính trị cũng xác định: “Cần tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác binh vận và mũi tấn công ngày càng có ý nghĩa chiến lược quan trọng cần được tiến hành trên quy mô lớn” [22, tr.62]. Điện của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam ngày 14/3/1975 nêu rõ “cần phải tập trung sức chỉ đạo công tác chống bắt lính và làm tan rã hàng ngũ nguy quân, xem đây là một chiến dịch tấn công địch mà lợi thế về hẳn phía ta. Đi đôi với việc tuyên truyền chính sách binh vận sẵn có, cần tổ chức chặt chẽ mũi tấn công này như một chiến dịch thật sự, chỉ đạo thật chặt, phân công cụ thể, bám chặt đối tượng để biến việc chống bắt lính, vận động làm tan rã địch thành phong trào quần chúng rộng rãi tấn công địch trong đó cần hết sức phát huy vai trò của gia đình binh sĩ nguy và các tầng lớp thanh niên cả những nhóm trốn lính và lính trốn” [20, tr.711-712]. Trong điện số 54 của Lê Đức Thọ gửi Trung ương Cục miền Nam ngày 15/3/1975 nêu rõ: “Nhiệm vụ công tác binh vận trong năm 1975 là cùng với các mặt đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao làm chuyển biến mạnh hơn các loại quân nguy, thúc đẩy tan rã nhanh một bộ phận quan trọng quân nguy nhằm làm cho quân nguy tụt nhanh quân số, giảm nguồn dự trữ bổ sung, góp phần tích cực giành lại quần chúng của ta trong tay địch, đánh sụp lực lượng quân sự của địch, và phát triển mạnh lực lượng cách mạng. Phải đẩy mạnh vận động chính trị, giác ngộ cách mạng đối với binh sĩ nguy, nhanh chóng tạo ra những chuyển biến chính trị tư tưởng mới, đưa đến những hành động có lợi cho cách mạng có tính chất quần chúng rộng rãi, từ chỗ giữ thái độ trung lập chống lệnh đến đồng tình ủng hộ hoặc tham gia các cuộc đấu tranh của quần chúng, từ bỏ ngũ phản chiến đến binh biến khởi nghĩa; đồng thời phải hết sức coi trọng hơn nữa vận động sách lược phân hóa, tranh thủ, lôi kéo sĩ quan nguy, tích cực lợi dụng và khoét sâu mâu thuẫn nội bộ địch để triệt để phân hóa hàng ngũ địch.

Nhiệm vụ binh vận là vừa phải đáp ứng yêu cầu trước mắt, vừa phải chuẩn bị về lâu dài để xóa bỏ hoàn toàn quân nguy” [22, 134-135]. Thường vụ Trung ương Cục miền Nam ban bố Thông tri số 07/TT.75 ngày 24/3/1975 về cuộc vận động chính trị tấn công binh vận với 7 điểm chính sách binh vận mới, làm tan rã lớn nguy quân, nguy quyền và triệt nguồn bổ sung của địch, nhanh chóng xây dựng mạnh lực lượng ta về mọi mặt gửi đến các khu ủy, tỉnh ủy. Tiếp đó, thông tri của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam số 10/TT.75 ngày 22/4/1975 gửi các khu ủy yêu cầu “đặc biệt là cần đẩy mạnh hơn nữa công tác vận động binh lính và nhân viên nguy quyền, nhân thời cơ này làm tan rã lớn nguy quân nguy quyền” [20, tr.803]. Đến ngày 30/4/1975 trong điện số 507/TV Thường vụ Trung ương Cục miền Nam yêu cầu “phải coi trọng đúng mức công tác binh vận trong lúc này, một mặt kiên quyết tiêu diệt địch, mặt khác, làm tan rã lớn nguy quân nguy quyền, tiêu diệt hoàn toàn sức đề kháng của địch” [22, tr.326].

Có thể thấy, từ tháng 01/1973 đến tháng 5/1975, công tác binh vận được cách mạng đẩy mạnh ở Nam Bộ. Đảng và Trung ương Cục miền Nam đã đề ra các chủ trương, đường lối đấu tranh binh vận đúng đắn, sáng tạo, kịp thời và đáp ứng yêu cầu thực tiễn cấp bách của cách mạng. Nội dung và phương thức đấu tranh binh vận những năm này là căn cứ vào pháp lý của Hiệp định Paris năm 1973 đưa ra các khẩu hiệu hòa bình, hòa giải, hòa hợp dân tộc để phân hóa nội bộ chính quyền và quân đội Sài Gòn, kết hợp với đấu tranh chính trị và quân sự để đánh bại các kế hoạch lấn chiếm, bình định của Việt Nam Cộng hòa. Đồng thời, trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, trên chiến trường Nam Bộ, binh vận được kết hợp chặt chẽ với tác chiến, với các chiến dịch tiến công và nổi dậy làm tan rã phần lớn quân đội Sài Gòn tại các địa phương. Nhiều tỉnh ở Nam Bộ, binh vận còn trở thành mũi xung kích quan trọng góp phần vào quá trình giải phóng, giành thắng lợi. Song song đó, binh vận còn được đẩy mạnh trong việc vận động các chỉ huy thuộc các cấp trong quân đội, chính quyền Sài Gòn, buộc họ phải đầu hàng không điều kiện để tránh đổ máu, thành phố khỏi bị tàn phá. Ngoài ra, ngay sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, công tác vận động binh lính Việt Nam Cộng hòa ra trình diện, đầu hàng chính quyền cách mạng ở các tỉnh Nam Bộ cũng được nhanh chóng tiến hành và thu nhiều kết quả.

### **3.4. Kết quả công tác binh vận ở Nam Bộ những năm 1973 - 1975**

Trong mùa khô 1973 – 1974, toàn khu 8 vận dụng ba mũi giáp công “bức rút 1.070 đồn, mở rộng vùng giải phóng. Ở khu 9, chỉ trong năm 1974 đã vận động được hơn 41.000 lính bỏ ngũ, phá rã 476 liên toán và toán phòng vệ dân sự. Ở Sài Gòn – Gia Định, nhân dân đã dựa vào pháp lý của Hiệp định và chính sách của cách mạng để tiếp xúc, tranh thủ tướng tá nguy có khuynh hướng chống Nguyễn Văn Thiệu, vận động họ ủng hộ hoặc tham gia vào “tổ chức nhân dân đòi thi hành Hiệp định Paris”, đòi hòa bình, dân chủ. Trên địa bàn Nam Bộ, cách mạng đã phát triển thêm được 5.000 cơ sở trong các đơn vị quân nguy. Nhiều cơ sở trong cơ quan Bộ Tư lệnh vùng IV, Sư đoàn 7, Sư đoàn 9, Sư đoàn 21, trong cảnh sát, phòng vệ dân sự... đã nổi dậy phối hợp với các lực lượng cách mạng diệt ác, làm binh biến mở rộng vùng giải phóng” [12, tr.172-173]. Ngày 09/8/1974, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam yêu cầu “đi đôi với việc tích cực chống bắt lính, giúp cho thanh niên trốn lính và lính trốn vào vùng ta sản xuất hay giúp họ tổ chức lại đối phó với những cuộc vây ráp bắt lính của địch” [20, tr.216]. Từ ngày 03/7 – 21/7/1974 diễn ra Hội nghị Binh vận khu vực Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ. Theo đó, Nghị quyết của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam tháng 8 năm 1974 nêu rõ kết quả công tác binh vận trong 6 tháng đầu năm 1974 như sau: “Mũi binh vận trong ba mũi giáp công ở cơ sở đã góp phần tích cực cho chuyên gỡ, mở, giữ, xây, tạo thế tạo lực cho xã áp tự lực gỡ được đồn bót chuyên xã áp; huyện, tuy lực lượng địa phương quân còn yếu nhưng đã phát huy được khả năng sức mạnh ba mũi mở được mảng trong thế căng kéo trong đợt tấn công tổng hợp khu, tỉnh (số đồn bót có cơ sở binh vận góp phần chủ động gỡ so với quân sự diệt chiếm 20 đến 30%). Tấn công binh vận còn góp phần tiêu diệt và đánh rã quân cơ động nguy, đặc biệt là quân bảo an cơ động, bẻ gãy hầu hết các cuộc hành quân chi viện giải tỏa làm sụt quân số nhiều tiểu đoàn bảo an nguy như Tây Nam Bộ và một số ở Trung Nam Bộ, quân số bảo an sụt từ 20 đến 40%, có nơi sụt 60%” [20, tr.272-273].

Đến tháng 12 năm 1974, về kết quả công tác binh vận trong báo cáo của Trung ương Cục miền Nam cho rằng: “Mũi binh vận thời gian qua đạt kết quả còn thấp so với yêu cầu nhiệm vụ và chưa tương xứng với thuận lợi của tình hình mới. Số binh sĩ đào rã ngũ năm 1973 thấp hơn năm 1972 (82.570/135.623), số đào rã ngũ năm 1974 lại thấp hơn năm 1973. Trong 9 tháng đầu năm 1974, số rã ngũ là 44.000 chỉ bằng 53% số rã ngũ năm 1973 (44.000/82.570). Số đơn bốt gỡ bằng khởi nghĩa nội ứng 9 tháng năm 1974 có nhiều hơn cả năm 1973 (184/101) nhưng vẫn còn thấp nhiều so với năm 1972 (năm 1972: 344 đơn; 1973: 101 đơn; 6 tháng đầu 1974: 110 đơn; 3 tháng quý III/1974: 73 đơn) [20, tr.458-459].

Nhằm chuẩn bị cho mũi binh vận trong chiến dịch Hồ Chí Minh để giải phóng Sài Gòn, Ban Binh vận Trung ương Cục và khu Sài Gòn – Gia Định “huy động trên 800 cán bộ vào các quận, huyện tham gia các ban chỉ đạo khởi nghĩa, mở rộng các lõm chính trị, may cờ, in khẩu hiệu, làm xe loa phóng thanh, xây dựng kế hoạch hướng dẫn quần chúng nổi dậy khi có thời cơ. Những người có quan hệ gia đình hoặc quen biết cũ với tướng tá Sài Gòn được giao nhiệm vụ liên lạc, vận động giác ngộ, hướng dẫn họ hành động hoặc bỏ nhiệm sở, đầu hàng. Đến nửa đầu tháng 4/1975, các đội công tác nội tuyến phát triển, liên lạc được với các cơ sở trong Bộ Tổng tham mưu, các sư đoàn chủ lực, trung tâm huấn luyện Quang Trung, sân bay Tân Sơn Nhất, cơ quan Bộ Tư lệnh Hải quân, Hải quân Công xưởng, Ty cảnh sát Gia Định. Ngày 08/4/1975, Thường vụ Trung ương Cục chỉ đạo cơ sở nội tuyến Nguyễn Thành Trung trong Không đoàn 540 thuộc Sư đoàn 3 Không quân Việt Nam Cộng hòa đóng ở Biên Hòa dùng máy bay F5E ném bom dinh Tổng thống. Trên đường hành quân thần tốc, các binh đoàn chủ lực cách mạng vừa tác chiến vừa làm công tác binh - địch vận. Một số đơn vị Quân đoàn 4 khi tiến đánh vào các căn cứ đối phương ở Hồ Nai, Biên Hòa dùng lao gắn trên xe bọc thép thông báo tình hình chiến sự ngay trong hành tiến, dùng tù hàng binh kêu gọi binh lính địch hạ vũ khí. Đoàn 232 chuẩn bị 100.000 tờ truyền đơn, 10 loa công suất lớn. Từ ngày 25 – 30/4/1975, riêng Sư đoàn 5 đã 74 lần gọi loa vào các đồn, tua của đối phương, rải 12.000 tờ truyền đơn, dùng máy thông tin quân sự kêu gọi bức hàng một giang đoàn gồm 18 chiếc tàu, bắt sống 176 lính trong đó có 20 sĩ quan. Tại trại huấn luyện Quang Trung, cách mạng vận động 20.000 khóa sinh bỏ súng. Ở các huyện ngoại thành, quần chúng nổi dậy treo cờ ở các chi khu, quận lỵ, gọi đối phương ra hàng, tổ chức các điểm thu vũ khí, phát giấy chứng nhận cho hàng vạn binh lính đầu hàng, kêu gọi khóa sinh trường võ bị, binh sĩ Sài Gòn ẩn náu trong các giáo xứ ra đầu hàng, nộp súng, tổ chức lực lượng bảo vệ các công sở, nhà máy. Ở nội thành, các cơ sở nội tuyến trong Bộ Tổng tham mưu, các sư đoàn dù, thủy quân lục chiến, lực lượng đặc biệt, sân bay Tân Sơn Nhất, Hải quân Công xưởng, các kho tàng, sở bưu điện, văn phòng báo chí phủ Tổng thống ra công khai hoạt động, giải tán lực lượng đối phương, chiếm giữ các vị trí, bảo vệ công sở, tài liệu. Thường vụ Trung ương Cục miền Nam chỉ thị Ban Binh vận tìm cách tác động vào Dương Văn Minh, yêu cầu nhanh chóng đầu hàng kết thúc chiến tranh để tránh đổ máu. Đội công tác nội tuyến chiến lược của Ban Binh vận Trung ương Cục miền Nam đưa Nguyễn Hữu Hạnh với nhiệm vụ tìm cách hợp tác với Dương Văn Minh, đồng thời tác động để Dương Văn Minh phải tuyên bố ngừng nổ súng vào lúc 9 giờ 30 phút ngày 30/4/1975. Nguyễn Hữu Hạnh ra lệnh cho toàn thể quân Sài Gòn triệt để thi hành lệnh ngừng nổ súng của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa” [12, tr.178-182].

Ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, mũi tấn công binh vận góp phần quan trọng hoàn thành mục tiêu giải phóng các tỉnh trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Binh vận đã trở thành mũi xung kích làm tan rã quân đội Sài Gòn tiến tới giải phóng các tỉnh. Nhiều tỉnh như Trà Vinh, Bạc Liêu, Cần Thơ, Long Xuyên, Châu Đốc... công tác binh vận góp phần lớn vào quá trình giải phóng mà hầu như không phải nổ súng. Đặc biệt, tại tỉnh Long Châu Tiền là vùng có đông đồng bào đạo Hòa Hảo, công tác binh vận của tỉnh hiệu quả làm vô hiệu hóa, tan rã và đầu hàng của hàng vạn quân bảo an Hòa Hảo (bị các phần tử ngoan cố, những tàn binh quân đội Sài Gòn đội lốt tôn giáo, lợi dụng, lôi kéo đồng bào theo đạo) quyết tâm “tử thủ”. Sau khi Nam Bộ hoàn toàn giải phóng, cách mạng tiếp tục thực hiện công tác vận động, tuyên truyền, binh vận kêu gọi quân nhân Sài Gòn ra hàng và trình diện. Ở Sài Gòn – Gia Định sau giải phóng, “số quân

Sài Gòn lần lượt ra trình diện hơn 400.000 và số công an, cảnh sát hơn 100.000” [23, tr.995]. Ở Tây Nam Bộ, đến ngày 11/5/1975, cách mạng “gọi hàng và gọi trình diện 37.000 lính, bắt giam 2.040 sĩ quan, thu 231 tàu, 284 xe cơ giới các loại, 176 máy bay, 68.748 súng (188 pháo), 1.391 máy vô tuyến điện, 7.880.000 lít xăng. Ở miền Trung Nam Bộ, đến ngày 12/5/1975, cách mạng thu hàng và gọi ra trình diện 62.000 lính, bắt giam gần 300 lính, thu 1.900 xe, 135.000 súng (218 pháo), 136 tàu, 11 máy bay, 3.000.000 lít xăng” [17, tr.632].

Như vậy, từ năm 1973 trở đi, binh vận tiếp tục là một trong ba mũi giáp công được quân và dân Nam Bộ sử dụng trong quá trình đấu tranh chống lại chính quyền Việt Nam Cộng hòa và trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Trong những năm 1973 - 1975, binh vận trở thành mũi tiến công mang tính chất chiến lược, có vai trò rất quan trọng và đóng góp lớn làm tan rã phần lớn quân đội và chính quyền Sài Gòn, giúp cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy ở Nam Bộ bứt đở máu, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn. Với những chủ trương, chỉ đạo tiến công binh vận đúng đắn, nhanh chóng, phù hợp, đáp ứng yêu cầu thực tiễn cách mạng của Trung ương Đảng và Trung ương Cục miền Nam, kể từ sau Hiệp định Paris năm 1973, công tác binh vận ở chiến trường Nam Bộ thu được nhiều kết quả quan trọng không chỉ gỡ được nhiều đồn bốt mà còn làm tan rã phần lớn quân đội và chính quyền Sài Gòn ở các địa phương, binh vận kết hợp với đấu tranh chính trị và quân sự đánh bại hoàn toàn chính quyền Việt Nam Cộng hòa, tiến tới thống nhất đất nước năm 1975. Mặt khác, công tác binh vận còn góp phần lớn vào việc thực hiện những chủ trương, chính sách hòa giải, hòa hợp dân tộc, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong những năm đầu thống nhất Tổ quốc. Trong quá trình tiến hành công tác binh vận ở Nam Bộ những năm 1973 - 1975 có nhiều bài học còn nguyên giá trị mà các nhà lãnh đạo ngày nay cần tiếp tục nghiên cứu và vận dụng sáng tạo phù hợp với đặc điểm, yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới. Bài học về việc chủ động sớm đề ra các chủ trương, chính sách đúng đắn, sáng tạo, kịp thời, phù hợp và đáp ứng yêu cầu thực tiễn cách mạng. Sự chủ động, năng động, sáng tạo của cán bộ trong thực hiện các nhiệm vụ, công tác vận động, tuyên truyền, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước. Bài học về không ngừng chăm lo, đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ giỏi chuyên môn, thạo nghiệp vụ nhất là trong công tác vận động tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước đến tất cả người dân. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện đoàn kết trong nước với đoàn kết quốc tế, tranh thủ và phát huy sức mạnh nội lực kết hợp với sức mạnh ngoại lực để phát triển nhanh đất nước. Đồng thời, không ngừng đấu tranh chống các tư tưởng, đối tượng, tổ chức phản động, đấu tranh chống các thế lực có âm mưu và hành động chống phá tiến trình xây dựng, phát triển quốc gia hoặc nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc...

#### 4. Kết luận

Trong những năm 1973 – 1975, công tác binh vận giữ vai trò và đóng góp quan trọng làm tan rã phần lớn quân đội và chính quyền Việt Nam Cộng hòa, tạo điều kiện thuận lợi cho quân và dân Nam Bộ tiến hành cuộc tổng tiến công và nổi dậy vào mùa Xuân năm 1975 giành toàn thắng. Binh vận là một trong ba mũi giáp công của cách mạng ở Nam Bộ góp phần lớn đánh bại hoàn toàn quân đội và chính quyền Sài Gòn. Có thể khẳng định, sự nghiệp giải phóng thống nhất Tổ quốc năm 1975 có sự đóng góp quan trọng của công tác binh vận ở Nam Bộ. Nhờ Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam và các khu, tỉnh ủy ở Nam Bộ sớm chủ động đề ra các chủ trương, đường lối đấu tranh binh vận đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với yêu cầu, thực tiễn cách mạng cộng với tinh thần đoàn kết, quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân cùng sự năng động, sáng tạo, dám dấn thân, dám nghĩ, dám làm, không ngại gian khổ, hy sinh của các cán bộ làm công tác binh vận Nam Bộ do đó đã phát huy được sức mạnh tổng hợp, góp phần quan trọng, quyết định thắng lợi chung. Ngày nay, Nam Bộ cùng với cả nước vững bước tiến vào kỷ nguyên phát triển mới. Vì vậy, các bài học trong công tác binh vận những năm này ở Nam Bộ cần tiếp tục nghiên cứu, vận dụng sáng tạo, phù hợp với đặc điểm, yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới để đưa Việt Nam nhanh chóng tiến lên hùng cường, thịnh vượng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. Van, "Studying the relationship between "two-sided political and military struggle" and "three-spread head attack" in the Vietnamese revolutionary movement," *Journal of Historical Studies*, no. 89 pp. 12-20, August 1966.
- [2] K. T. Nguyen, "The attack "propaganda work among enemy soldiers" contributed to the liberation of the Mekong Delta in 1975," *Journal of Vietnam Communist Party's History*, vol. 3/2015, pp. 79-82, 2015.
- [3] K. T. Nguyen, "Establishing an underground bases on the B2 battlefield (1973-1975)," *Journal of Vietnam Communist Party's History*, June 03, 2020. [Online]. Available: <https://tapchilichsudang.vn/xay-dung-co-so-noi-tuyen-tren-chien-truong-b2-1973-1975.html>. [Accessed September 06, 2025].
- [4] C. H. Hoang, "Propaganda work among enemy soldiers on the Quang Tri battlefield from 1961 to 1966," *Military History Review*, no. 286, pp. 27-32, 2015.
- [5] V. T. Nguyen and T. K. H. Nguyen, "Pursuing "three-spread head attack" strategy to win "the special war" of the U.S. Army in Khanh Hoa (1961-1965)," *University of Khanh Hoa Journal of Science*, vol. 2, no. 2, pp. 74-81, 2018.
- [6] M. H. Nguyen, "The resistance against America to save the country in 1973 - the pivotal year of the Great Spring Victory in 1975," *Communist Review*, October 11, 2018. [Online]. Available: <https://www.tapchi congsan.org.vn/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/52680/cuoc-khang-chien-chong-my%2C-cuu-nuoc-nam-1973-nam-ban-le-cua-dai-thang-mua-xuan-nam-1975.aspx#>. [Accessed September 06, 2025].
- [7] C. T. Dang, "The Great Victory of Spring 1975 - The Victory of Ho Chi Minh's Thought of Military Art," *Journal of Political Theory and Communications*, no. 4, pp. 3-6, 2019.
- [8] T. B. T. Nguyen, "The political struggle movement of women in the Southwest against the "Limited War" strategy of American imperialism (1965-1968)," *Journal of Vietnam Communist Party's History*, no. 6, pp. 35-40, 2021.
- [9] V. T. Ho, "Military and people of the Mekong Delta in the General Offensive and Uprising of Spring 1975," *National Defence Journal*, April 10, 2025. [Online]. Available: <https://tapchiquptd.vn/vi/ky-niem-50-nam-ngay-giai-phong-mien-nam-thong-nhat-dat-nuoc-3041975-3042025/quan-va-dan-dong-bang-song-cuu-long-trong-tong-tien-cong-va-noi-day-mua-xuan-1975/23971.html>. [Accessed September 09, 2025].
- [10] V. T. Dinh and T. K. T. Nguyen, "The preparation for the 1975 Spring General Offensive and Uprising by the Vietnam Labor Party," *Central Vietnamese Review of Social Sciences*, vol. 1, no. 86, pp. 123-131, 2025.
- [11] M. T. Nguyen, "The Power of People's War - The Factor That Made the Great Victory of Spring 1975," *National Defence Journal*, April 14, 2025. [Online]. Available: <https://tapchiquptd.vn/vi/ky-niem-50-nam-ngay-giai-phong-mien-nam-thong-nhat-dat-nuoc-3041975-3042025/suc-manh-chien-tranh-nhan-dan-nhan-to-lam-nen-dai-thang-mua-xuan-1975/24002.html>. [Accessed September 09, 2025].
- [12] General Department of Politics, *Summary of propaganda work among enemy soldiers in the resistance against America to save the country (1954 - 1975)*. People's Army Publishing House, Hanoi, 2002.
- [13] B. Le, *The process of the American imperialist war of aggression and the rules of operation of the U.S. - Republic of Vietnam on the B2 battlefield*, B2 War Summary Committee, 1984.
- [14] Republic of Vietnam, "Telegram No. 004-TT/CD dated January 23, 1973 of the President of the Saigon government," Folder no. 1229, The National Archives Centre II, Ho Chi Minh City, 1973.
- [15] Republic of Vietnam, "Agreement on Ending the War and Restoring Peace in Vietnam," Folder no. 1235, The National Archives Centre II, Ho Chi Minh City, 1973.
- [16] Office of the Executive Committee of the Communist Party of Vietnam, *Documents of the Central Office of South Vietnam (1946 - 1975)*, vol. 17. National Political Publishing House, Hanoi, 2020.
- [17] Military Region 7, *History of the Regional Command (1961 - 1976)*. National Political Publishing House, Hanoi, 2004.
- [18] The National Archives Centre II, *The Great Victory of Spring 1975 (Documents of the Saigon government)*. National Political Publishing House, Hanoi, 2010.
- [19] Communist Party of Vietnam, *The Complete Party Documents*, vol. 34. National Political Publishing House, Hanoi, 2004.
- [20] Office of the Executive Committee of the Communist Party of Vietnam, *Documents of the Central Office of South Vietnam (1946 - 1975)*, vol. 18. National Political Publishing House, Hanoi, 2020.
- [21] Communist Party of Vietnam, *The Complete Party Documents*, vol. 35. National Political Publishing House, Hanoi, 2004.
- [22] Communist Party of Vietnam, *The Great Victory of Spring 1975 (Documents of the Vietnam Workers' Party)*. National Political Publishing House, Hanoi, 2005.
- [23] Steering Council for Compiling History of Southern Vietnam Resistance, *History of Southern Vietnam Resistance*, vol. 2. National Political Publishing House, Hanoi, 2012.